

Tóm lược giảng giải Pháp Bảo Đàn kinh (Phẩm 4)

ISSN: 2734-9195 09:10 25/06/2025

Tu hành tự tính là ở nơi tướng mà là tướng, ở nơi tướng mà là tướng. Khi không bám nắm, không bị tướng và tướng trói buộc, đó là ở nơi tướng và tướng mà vẫn giải thoát, vì ánh sáng của trí tuệ thấu thoát qua mọi tướng và tướng

Phẩm thứ tư - Phẩm định tuệ

Định tuệ tức là chỉ quán, là pháp môn căn bản của Phật giáo. Định tuệ đồng thời hay chỉ quán đồng thời, tức là Thiền, theo Kinh Viên Giác. Định tuệ Lục Tổ nói ở đây là bản thể của tự tính chứ không phải từ ngoài vào. Bản thể của tự tính vốn là định, như kim cương mà các tạp chất phiền não không thể trộn lẫn được. Tự tính vốn là tuệ, hay quán, như kim cương luôn luôn chiếu sáng.

Trong tự tính, định tuệ là một thể. Nói cách khác, tự tính là thường định thường tuệ. Định tuệ như vậy hiện hữu từ vô thủy đến vô chung. Biết được định tuệ không có thời gian không gian này bèn giải thoát. Trong tự tính thì định tuệ bình đẳng một thể, trong ngoài nhất như, không có hai tướng. Phân chia định tuệ riêng khác, có trước có sau, đó là chuyện của thức phân biệt tạo thành sinh tử. Trong trí thì tất cả bình đẳng một thể, định và tuệ là nhất như, phước và trí là nhất như, tính và tướng là nhất như, phiền não và giác ngộ là nhất như.

Đạo Phật là vô ngã, vô pháp, không có bốn tướng ta, người, chúng sinh, thọ mạng. Đây cũng chính là tự tính, Phật tính. Tăng thêm ngã và pháp, tăng thêm bốn tướng là trái với đạo Phật, trái với tự tính vốn đang hiện tiền. Trong tự tính, định tuệ là một vị, tâm cảnh là một vị, chủ thể và đối tượng là một vị, tướng và tính là một vị. Thấy biết trực tiếp cái một vị này gọi là ngộ, và “tự ngộ tu hành” là niệm niệm sống với cái một vị này, “không trước không sau” cho đến khi trọn vẹn. Một vị của định là niệm này qua niệm khác chỉ là một vị tính vốn định. Tuệ là một vị ánh sáng soi chiếu ra thành các tướng, các tướng ấy cũng là một vị tính vốn định và một vị tính sáng thường chiếu soi.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Trực tâm là tâm rất mực yên lặng mà thường chiếu soi, bất động mà sống động. Như tấm gương bất động mà hằng chiếu mọi bóng cảnh nhưng mọi bóng cảnh chẳng dính cứng được vào gương. Tu hành tự tính hay trí tuệ Bát nhã không phải là nhắm mắt bưng tai, diệt hết vọng niệm, vọng tưởng và vọng tướng, mà là thấy thật tính của vọng niệm, vọng tưởng và vọng tướng. Tu hành tự tính là ở nơi tướng mà lìa tướng, ở nơi tưởng mà lìa tướng. Khi không bám nắm, không bị tướng và tướng trói buộc, đó là ở nơi tướng và tướng mà vẫn giải thoát, vì ánh sáng của trí tuệ thấu thoát qua mọi tướng và tưởng. Đây là cái trực tâm hay tự tính hằng sáng rõ trước mắt. Làm sao để lìa tướng và tưởng? Vì bản chất của tướng và tưởng là vô tự tính, là lìa (ly). Thấy biết và sống như vậy trong từng niệm niệm, đây là trí tuệ hiện hành, định tuệ đồng thời hiện hành. Quan niệm rằng định là sự chẳng động của tâm ở bên trong rồi ngồi yên nhắm mắt không thấy không nghe, đây là làm cho tự tính hay đạo ngưng trệ, trong ngoài ngăn ngại nhau, tướng và tính ngăn ngại nhau, niệm và vô niệm ngăn ngại nhau. Ngăn ngại nên chẳng “thông lưu”, nên chẳng thể là một.

Định đây là cái định vốn sẵn của thân tâm và thế giới, trong ngoài đều một tính định. Tuệ đây là ánh sáng vốn sẵn của thân tâm và thế giới, trong ngoài đều một tính sáng. Do đó mà gọi là thông lưu trong ngoài, tướng tính, niệm và vô niệm, tĩnh và động. Đây là sự tự do của định, sự thấu suốt khắp cùng của ánh sáng tuệ. Đây là tính bất nhị của toàn thể hiện hữu. Quan niệm tâm mình chỉ là tịnh, vô niệm là không có niệm nào, bèn ngồi để xem tâm quán tịnh, chẳng động chẳng khởi, rồi theo đó mà công phu thì cùng lắm là chỉ tu định hay tu chỉ.

Không biết được rằng tâm thì vốn Tịch mà Chiếu, vốn Định mà Tuệ, đây mới là Thiền, định tuệ đồng thời, chỉ quán bất nhị.

Cái định tuệ đồng thời, chỉ quán bất nhị này không phải từ ngoài vào như một phương tiện để đạt đến tự tính, mà nó chính là tự tính. Ở đâu, khi nào, có định tuệ đồng thời, chỉ quán bất nhị, nơi đó, lúc đó, tự tính hiển lộ. Thấy “tính giác Như Lai đang phóng ánh sáng lớn, ngoài soi sáu cửa thanh tịnh, tự tính chiếu bên trong ba độc liền dứt, trong ngoài sáng suốt chẳng khác Tây phương”, đây là định tuệ đồng thời.

Tự tính hay phật tính thì ai cũng sẵn có, không ai nhiều hơn hay ít hơn, không phải chỗ này khác, chỗ kia khác. Sở dĩ có tức thời hay lần lần là do sắc bén hay cùn lụt. Sắc bén là ít nghiệp chướng, phiền não chướng và sở tri chướng, cùn lụt thì nhiều nghiệp che chướng hơn nên chậm chạp hơn. Phải biết rằng phiền não chướng và sở tri chướng là do tự mình sinh ra để tự che lấp phật tính, chứ phật tính chẳng ngăn cản ai thấy nó cả. Thành ra, ngay trong một niệm mà không có phiền não chướng và sở tri chướng tự che lấp thì đây chính là phật tính. Phiền não chướng và sở tri chướng là vô tự tính, nên đến tiệm chỉ là giả danh. Xưa nay vẫn ở trong tự tính Niết bàn, nên sinh tử chỉ là giả danh. Có đến có tiệm, có ngộ có mê thì vẫn ở trong tự tính Niết bàn. Trên nền tảng tự tính Phật tính pháp thân tính Không chung cho chúng sinh và chư Phật và mọi thế giới, chỉ có một vị Phật tính pháp thân tính Không, mọi con đường, mọi pháp môn đều được lập ra trên đó. Mọi pháp môn, mọi con đường đều tiến hành trên nền tảng Phật tính pháp thân tính Không ấy.

Mọi pháp môn đều có chung nhau nền tảng, những con đường thì khác nhau nhưng cùng đi trên Nền tảng, và Quả chính là Nền tảng đã được chứng ngộ trọn vẹn. Cho nên không có pháp môn đến hay tiệm. Pháp môn nào cũng đến mà cũng là tiệm, vì đến hay tiệm, tức thời hay thứ lớp, đều tùy thuộc vào người đi, người thực hành, vì chưa bao giờ người ta có thể đi ra ngoài nền tảng Phật tính pháp thân tính Không cả. Vô niệm, vô tướng, vô trụ là ba điểm thiết yếu được giảng trong suốt cuốn kinh, vì chúng là ba tính cách của tự tính hay bản tâm. Tướng là hình tướng, đặc tính của sự vật. Khi phân tích một sự vật cho đến những hạt nhỏ nhất, và nhỏ hơn nữa, chúng không còn cái gì cả, không có tướng nào cả. Vậy thì thấy tướng là một vọng thấy của tâm thức và chạy theo tướng là nguyên nhân của sinh tử luân hồi. Vô tướng chính là thật tướng của sự vật và của tâm. Vô tướng là bản tính vốn sẵn không có không gian. Niệm là ý tướng, khoảnh khắc. Khi phân tích một ý tướng và một khoảnh khắc đến tận cùng, chúng ta không thấy có cái gì cả. Cho nên cho rằng ý tướng và thời gian dù nhỏ nhất là có thật là một sai lầm. Vô niệm chính là thật tướng của niệm và của tâm. Vô niệm là bản tính vốn sẵn không có thời gian.

Trụ là sự bám trụ, trụ chấp. Vì thế giới, tức là tướng và niệm, không thật có cho nên không thể trụ vào đâu cả. Vô trụ là thật tướng của tâm và thế giới. Vô trụ là bản tính vốn sẵn không có không gian và thời gian. Chính tướng, niệm và trụ, lỗi lầm của tâm, đã tạo ra thế giới sinh tử khổ đau. Các kinh thường nói, “tâm như con kén tự nhả tơ để trói buộc, giam nhốt mình”. Thế nên bất cứ khi nào tâm không bị dính mắc, trói buộc vào tướng, niệm, trụ, khi ấy tâm rỗng rang bao la, thông suốt khắp, tâm ấy là giải thoát, là tính Không (đọc thêm ở phẩm 2).

Vô tướng - Vô niệm - Vô trụ

Tâm ấy là bản lai diện mục, khuôn mặt xưa nay của mỗi người. Tu hành là đưa tâm trở lại thực tướng của nó, bản tính của nó, đó là vô tướng, vô niệm và vô trụ. Khi ấy tướng, niệm, trụ hòa vào bản tính không có không gian, không có thời gian, đây là giải thoát. Tướng vẫn có, niệm vẫn có, trụ vẫn có, không biến mất, nhưng tướng là vô tướng, niệm là vô niệm, trụ là vô trụ. Bản tính hay bản tâm là vô trụ. Một người bình thường có thể hiểu điều này khi nhận thấy một ngày chúng ta có bao nhiêu ý tưởng hay niệm, mà tâm chúng ta chẳng bao giờ đầy. Các ý tưởng, các niệm cứ sinh khởi, ở đó, biến đổi, và tiêu tan trong tâm bao la. Tâm như bầu trời, như hư không mà những đám mây ý tưởng khởi hiện rồi tan biến. Tâm vô trụ là tâm như bầu trời, như hư không mà không có một đám mây ý tưởng nào có thể trụ lại, có thể dính cứng vào. Nhưng tính này, tâm này cần phải được ngộ. Bởi vì không có lý luận nào, hình dung nào của ý thức có thể tiếp cận nó, mà những đám mây của ý thức phải tan vỡ ra, để lộ một bầu trời vô trụ. Như ngài Tuệ Năng khi thấy nó: “Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh, nào ngờ tự tính vốn không sinh diệt, nào ngờ tự tính vốn tự đầy đủ, nào ngờ tự tính vốn không động lay, nào ngờ tự tính hay sinh muôn pháp”. Chỉ một chữ vốn này, đây tất cả là Thiền tông, tất cả Đại Toàn Thiện, tất cả Đại Ấn. Có ngộ nghĩa là thường trực thấy biết cái nền tảng vô trụ này, rồi mới có thể thật tu, mới có thể hành theo một pháp môn phù hợp với mình, để cái thấy biết ấy thành viên mãn. Cho nên để ngộ, phải liên tục Chỉ, Quán, và Chỉ Quán đồng thời, hay Định, Tuệ, Định Tuệ đồng thời về chính bản tâm vô tướng, vô niệm, và vô trụ. Chính niệm tỉnh giác về chính bản tâm, đây là Tâm niệm xứ trong Bốn niệm xứ. Cho tới lúc trực tiếp thấy biết bản tâm là gì, đó là đốn ngộ. Thấy biết trực tiếp và thường trực bản tâm, thì mới ứng dụng nó trong đời sống hàng ngày, đây là diệu tu.

Khi chúng biết được tâm là vô trụ thì cũng chúng biết được các ý tưởng, các niệm cũng là vô trụ. Khi chúng biết nền tảng, không gian của những đám mây là bầu trời, bèn nhận ra các đám mây cũng vô trụ, không dính vào đâu cả và chúng như có sinh, trụ, dị, diệt, nghĩa là chúng vô tự tính. Thấy biết các đám

mây các niệm là vô tự tính, nghĩa là không thể trụ, vô trụ, thì các đám mây, các niệm tự giải thoát chính chúng trong bầu trời tâm. Tâm như viên pha lê trên mặt in hình các bóng. In hình được vì viên pha lê luôn luôn trong suốt. Người thường lo chạy theo, đồng hóa với các màu sắc bóng hình đó nên không thấy biết được viên pha lê. Lìa được các tướng ở bên ngoài, không đồng hóa, không chạy theo, tức thời viên pha lê trong suốt hiển hiện. Chỉ một chữ “lìa” thường được Lục Tổ nói đến này, mà thật tu thì cả đời cũng không dùng hết. Cho nên chỉ lìa tướng, không nhìn theo nó nữa bèn tức thì đây là pháp thể hay pháp thân thanh tịnh. Bởi thế Kinh Kim Cương nói: “Thấy các tướng chẳng phải tướng tức là thấy Như Lai”. Không nhìn thấy bóng, tức thì thấy viên pha lê. Không nhìn thấy tướng thì ngay đó là thấy tính. Không nhìn thấy sóng bèn tức thì thấy đó là đại dương. Thực hành Định Tuệ là lìa tướng. Lìa tướng là thấy thật tướng của tướng là vô tự tính, là tính Không, thế nên tướng vốn tự lìa. Càng lìa tướng thì tâm càng trở về bản tính của nó là tịch lặng và sáng soi. Cho đến lúc thấy tướng vốn là vô tướng, là lìa, là vô sở hữu, bất khả đắc cho nên toàn tướng là tính.

“Vô niệm là nơi niệm mà vô niệm”. Tâm vốn là vô niệm, như hư không. Các niệm sinh khởi từ tâm như hư không, trụ trong nó, rồi tan biến trong đó, nên các niệm cũng như hư không, bản tính của các niệm cũng là vô niệm. Tâm phải có các niệm, như thế mới sống, mới thông lưu. Nhưng với người tu phải thấy thật tướng của các niệm này là vô niệm, như thế mới có thể không bị các cảnh sinh tử làm ô nhiễm. Niệm mà “thường lìa các cảnh, chẳng nơi cảnh mà sinh tâm”. Vậy thì niệm này là thế nào? Niệm này là niệm của định tuệ nghĩa là sự có mặt thường trực của định tuệ. Định cho nên “nơi cảnh chẳng sinh tâm”; tuệ cho nên “thường lìa các cảnh”. Niệm của định tuệ là niệm của tịch chiếu, niệm của giác ngộ, niệm của tự tính vốn giác, niệm của tính giác, sống động phi thường mà không ô nhiễm. Cho nên nơi niệm mà có duyên với cảnh, có tướng, có pháp để đắc, có tốt có xấu, có họa có phúc, thì bèn có tà kiến, vọng tưởng, trần lao. Còn nơi niệm mà không có duyên sinh, không có một pháp gì có thể đắc, thì đây là niệm giải thoát, niệm vô sinh, niệm định tuệ đồng thời.

Lục Tổ giảng rõ thêm về vô niệm. Có hiểu rõ mới có thể thực hành, “niệm niệm tự thấy bản tính thanh tịnh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo”. Vô niệm thì vô là không có hai tướng, không có trần lao phiền não. Thấy có hai tướng, có phân biệt thì trần lao phiền não bắt đầu. Thấy không có hai tướng là thấy tính, thấy tất cả thuần là một tính. Thấy thuần là một tính thì thời gian không gian biến mất, đây là một nghĩa của chữ Đốn. Niệm là niệm bản tính chân như. Niệm là nối kết thông lưu với bản tính chân như. Cho đến lúc “ngược dòng toàn nhất” (Kinh Lăng Nghiêm) thì niệm chính là bản tính chân như tự niệm, như sóng là đại dương tự khởi một cách tự nhiên. Sóng nào cũng là đại dương. “Chân Như có tính do đó mới có niệm khởi”, cho nên vấn đề là phải biết thật tướng, thật

tính của niệm là gì. Ban đầu tu là xoay niệm về niệm bản tính chân như, cho đến lúc ngộ được rằng niệm chính là bản tính chân như tự niệm, niệm là cái dụng của bản tính chân như. Không còn phải đè nén niệm, vật lộn với niệm mà niệm là dụng của bản tính chân như nên niệm cũng vốn là giải thoát, cũng là chân như. Thấy được như vậy, tu được như vậy mới được tự do, luôn luôn thấy “thật tướng của tất cả các pháp”, nghĩa là luôn luôn thấy cái “không có hai tướng”, thấy chân như. Khi đã đạt đến thể của bản tính chân như, thì thấy rõ mất tai mũi lưỡi thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp, là diệu dụng của bản tính chân như. Thế nên những kinh Đại thừa nói, “Bản tính của sinh tử là Niết bàn”. Vô trụ, vô tướng và vô niệm chính là Không, Vô tướng và Vô tác (hay Vô nguyện) là ba cửa giải thoát chung cho cả Đại thừa và Thanh Văn thừa. Ba môn giải thoát ấy của tính Không chỉ đạt được hoàn toàn ở Đệ bát địa, tương đương với quả A La Hán. Nhưng Thanh Văn thừa chỉ chú trọng cái thể của Không, Vô tướng và Vô tác mà bỏ cái dụng. Đại thừa là cử động, nói nín, niệm khởi đều là Chân Như khởi dụng, đều là sự hóa hiện của Không, Vô tướng, Vô tác. Dụng tức là thể, tướng tức là tính, sinh tử tức Niết bàn, đây là Vô trụ xứ Niết bàn của Đại thừa.

Tự tính chân như giống như ngọn đèn. Khởi niệm là tự chiếu sáng. Ánh sáng ấy đi qua các cửa mở là các căn khiến các căn có được thấy nghe hay biết nhưng ánh sáng ấy chẳng dính nhiễm nơi căn và các cảnh. Ngược lại các cảnh chính là sự phóng chiếu của ánh sáng. Ngọn đèn và ánh sáng thường trụ chẳng động nên các cảnh được chiếu sáng cũng chẳng động. Đây là điều mà người thường bị mê lầm cho rằng thật có chuyển động. Ánh sáng chân như chiếu ra thân tâm và thế giới, đây là ngọn đèn sáng định tuệ. Ánh sáng ấy khiến chúng ta phân biệt được tướng các pháp, nhưng tất cả đều ở trong đệ nhất nghĩa chân như mà chân như vốn chẳng động nên những ảnh chiếu của chân như – thân tâm và thế giới – cũng đều chẳng động. Đây là điều phải thực chứng, phải được kinh nghiệm chứ không thể suy nghĩ bằng những lý luận, ví dụ của ý thức hữu hạn. Phải thấy rõ ràng rằng nếu không lọt được vào Vô tướng, Vô niệm và Vô trụ vốn có của tự tính, thì thân khẩu ý có làm gì cũng tạo ra nghiệp, để tiếp tục trôi lăn trong sinh tử luân hồi.

Cư sĩ Phạm Tuấn Minh tóm lược

Tài liệu: Lục tổ Pháp Bảo Đàn kinh - Giảng giải, soạn văn: Dương Đạo, NXB Thiện Tri Thức - 2016